



Mã số mẫu/ Sample Code:
00570.25

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : NHÀ MÁY NƯỚC Ô MÔN
2. Địa chỉ/ *Address* : Kim Đồng, p. Châu Văn Liêm, q. Ô Môn, tp. Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sample* : NƯỚC SINH HOẠT (tại nhà máy)
4. Số lượng/ *Quantity* : 1 chai x 1000 ml và 1 chai x 250 ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 03/06/2025 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 12/6/2025

| TT/ No. | Chỉ tiêu/ Parameter | Đơn vị tính/ Unit | Kết quả/ Result | Phương pháp/ Test method | Tiêu chuẩn/ Standard |
|------------|-------------------------------------|----------------------|---------------------|-----------------------------|-------------------------|
| 1 | Coliforms (*) | CFU/100mL | 0 | ISO 9308-1: 2014 (E) | < 1 |
| 2 | E.coli hoặc Coliform chịu nhiệt (*) | CFU/100mL | 0 | ISO 9308-1: 2014 (E) | < 1 |
| 3 | Độ đục (*) | NTU | 0,36 | SMEWW 2130 B:2023 | 2 |
| 4 | Màu sắc (*) | TCU | < 5,0 | SWEWW 2120 C:2023 | 15 |
| 5 | Mùi vị | - | Không có mùi, vị lạ | SMEWW 2150&2160:2023 | Không có mùi, vị lạ |
| 6 | Clo dư tự do | mg/L | 0,5 | Đo tại hiện trường | Trong khoảng 0,2 - 1,0 |
| 7 | pH (*) | - | 6,91 (23,3°C) | TCVN 6492:2011 | 6,0 - 8,5 |

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory


Văn Quốc Thanh Thủy

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC




PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Trường Chinh

1. (*): Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ
2. Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
3. Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ
4. Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"



Mã số mẫu/ Sample Code:
00571.25

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : NHÀ MÁY NƯỚC Ô MÔN
2. Địa chỉ/ *Address* : Kim Đồng, p. Châu Văn Liêm, q. Ô Môn, tp. Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sample* : NƯỚC SINH HOẠT (Kim Đồng, Châu Văn Liêm)
4. Số lượng/ *Quantity* : 1 chai x 1000 ml và 1 chai x 250 ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 03/06/2025 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 12/6/2025

| TT/ No. | Chỉ tiêu/ <i>Parameter</i> | Đơn vị tính/ <i>Unit</i> | Kết quả/ <i>Result</i> | Phương pháp/ <i>Test method</i> | Tiêu chuẩn/ <i>Standard</i> |
|------------|--|-----------------------------|---------------------------|------------------------------------|--------------------------------|
| 1 | Coliforms (*) | CFU/100mL | 0 | ISO 9308-1: 2014 (E) | < 1 |
| 2 | <i>E.coli</i> hoặc Coliform chịu nhiệt (*) | CFU/100mL | 0 | ISO 9308-1: 2014 (E) | < 1 |
| 3 | Độ đục (*) | NTU | 0,45 | SMEWW 2130 B:2023 | 2 |
| 4 | Màu sắc (*) | TCU | < 5,0 | SWEWW 2120 C:2023 | 15 |
| 5 | Mùi vị | - | Không có mùi, vị lạ | SMEWW 2150&2160:2023 | Không có mùi, vị lạ |
| 6 | Clo dư tự do | mg/L | 0,4 | Đo tại hiện trường | Trong khoảng 0,2 - 1,0 |
| 7 | pH (*) | - | 7,02 (23,7°C) | TCVN 6492:2011 | 6,0 - 8,5 |

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

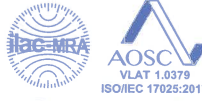

Văn Quốc Thanh Thủy

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC




**PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Trường Chinh**

1. (*): Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ
2. Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
3. Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ
4. Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"



Mã số mẫu/ Sample Code:
00572.25

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : NHÀ MÁY NƯỚC Ô MÔN
2. Địa chỉ/ *Address* : Kim Đồng, p. Châu Văn Liêm, q. Ô Môn, tp. Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sample* : NƯỚC SINH HOẠT (đường 26/3, Châu Văn Liêm)
4. Số lượng/ *Quantity* : 1 chai x 1000 ml và 1 chai x 250 ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 03/06/2025 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 12/6/2025

| TT/ No. | Chỉ tiêu/ <i>Parameter</i> | Đơn vị tính/ <i>Unit</i> | Kết quả/ <i>Result</i> | Phương pháp/ <i>Test method</i> | Tiêu chuẩn/ <i>Standard</i> |
|------------|--|-----------------------------|---------------------------|------------------------------------|--------------------------------|
| 1 | Coliforms (*) | CFU/100mL | 0 | ISO 9308-1: 2014 (E) | < 1 |
| 2 | <i>E.coli</i> hoặc Coliform chịu nhiệt (*) | CFU/100mL | 0 | ISO 9308-1: 2014 (E) | < 1 |
| 3 | Độ đục (*) | NTU | 0,33 | SMEWW 2130 B:2023 | 2 |
| 4 | Màu sắc (*) | TCU | < 5,0 | SWEWW 2120 C:2023 | 15 |
| 5 | Mùi vị | - | Không có mùi, vị lạ | SMEWW 2150&2160:2023 | Không có mùi, vị lạ |
| 6 | Clo dư tự do | mg/L | 0,3 | Đo tại hiện trường | Trong khoảng 0,2 - 1,0 |
| 7 | pH (*) | - | 6,78 (23,5°C) | TCVN 6492:2011 | 6,0 - 8,5 |

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Văn Quốc Thanh Thủy

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC



PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Trường Chinh

1. (*): Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ
2. Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
3. Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ
4. Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"